TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 11/01/2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam và ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST – KDTM ngày 06/7/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST - KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST – KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 15/2020/TB - TA ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L.

Địa chỉ: Phòng giao dịch P, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (Quốc lộ 14, xã P, huyện K, Đắk Lắk

***- Bị đơn*:** Bà Đặng Thị Tr (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Giang Phú, xã Tam Giang, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Văn L trình bày:

Ngày 01/6/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch P (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) với ông bà Nguyễn Tấn T – Đặng Thị Tr, do bà Đặng Thị Tr làm đại diện hộ kinh doanh đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/3636277/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr vay số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng (Hạn trả là ngày 01/5/2019), lãi suất trong hạn 9,8%/năm, lãi

suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để kinh doanh hàng hóa.

Tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là Quyền sử dụng đất số AN 689120 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/10/2008 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr, diện tích đất là 15.129m2 và Quyền sử dụng đất số CC 289119 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 02/8/2017 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr, diện tích 6.326,1m2. Việc thế chấp được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9879895/HĐBĐ ngày 15/6/2017 và hợp đồng thế chấp số 01/2018/3636277/HĐBĐ ngày 30/5/2018.

Trong thời hạn vay tiền ông T và bà Tr chỉ trả được 64.553.288đ tiền lãi suất, còn khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến nay hộ ông T vẫn chưa trả cho ngân hàng, mặc dù đã quá thời hạn trả nợ.

Tính đến ngày 11/01/2021 ông T và bà Tr còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 1.725.194.902đ (Một tỉ bảy trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi tư ngàn chín trăm linh hai đồng), bao gồm: Nợ gốc 1.300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 269.333.835, lãi quá hạn là 107.679.178đ và phí chậm trả lãi là 48.181.889đ.

Hiện nay Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc 1.300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 269.333.835, lãi quá hạn là 107.679.178đ và phí chậm trả lãi là 48.181.889đ, đồng thời tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 12/01/2021 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông T và bà Tr không trả hoặc trả không đủ số tiền vay, thì Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9879895/HĐBĐ ngày 15/6/2017 và 01/2018/3636277/HĐBĐ ngày 30/5/2018, để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr đến Tòa án để làm việc và hòa giải. Tuy nhiên ông T và bà Tr đều vắng mặt không có lý do. Để có căn cứ giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị Tr tại Hợp đồng tín dụng số 01/20183636277/HĐTD ngày 01/6/2018 so với chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị Tr tại các tài liệu có Công chứng gồm: Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9879895/HĐBĐ ngày 15/6/2017 và 01/2018/3636277/HĐBĐ ngày 30/5/2018, để làm căn cứ giải quyết vụ án. Kết quả giám định đã xác định được như sau:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Thị Tr dưới mục "Bên vay" trong Hợp đồng tín dụng số 01/20183636277/HĐTD ngày 01/6/2018 (Ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết Đặng Thị Tr dưới mục " Bên thế chấp" trong tài liệu mẫu so sánh là Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9879895/HĐBĐ ngày 15/6/2017 và hợp đồng thế chấp số 01/2018/3636277/HĐBĐ ngày 30/5/2018 (ký hiệu M2) là do cùng một người (bà Đặng Thị Tr) ký và viết ra.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, căn cứ vào đơn khởi kiện, Tòa án xác định bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã có cở sở xác định: Bà Đặng Thị Tr là đại diện đứng tên đăng ký hộ kinh doanh, bà Tr là người ký kết hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiền là để phục vụ việc kinh doanh của hộ gia đình. Vì vậy HĐXX xác định bà Tr là bị đơn và ông T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay ông T và bà Tr vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Bà Đặng Thị Tr là người đứng tên đăng ký hộ kinh doanh, đã xác lập giao dịch vay tiền với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh. Do ngân hàng cho rằng hộ bà Đặng Thị Tr không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng và bà Tr là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tống đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên bà Tr và ông T đều không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: Ngày 01/6/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch P đã cho hộ kinh doanh Đặng Thị Tr, do bà Đặng Thị Tr làm đại diện vay số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng (Hạn trả là ngày 01/5/2019), theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/3636277/HĐTD

+ Về số tiền đã trả: Kể từ thời điểm vay cho đến nay ông T và bà Tr mới trả cho ngân hàng được 64.553.288đ tiền lãi suất.

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo thỏa thuận của các bên tại hợp

đồng tín dụng thì ngân hàng cho hộ bà Tr vay tiền trong thời hạn 11 tháng. Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn, nhưng hộ bà Tr vẫn chưa trả xong nợ cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu lãi suất trong hạn và quá hạn theo nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán số nợ gốc và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

Về trách nhiệm trả nợ liên đới: Bà Tr là người đại diện hộ gia đình ký vay vốn để kinh doanh, nhằm thu lợi nhuận cho hộ gia đình, ông T là chồng bà Tr và là thành viên hộ gia đình, cùng ký kết hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng, vì vậy ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà Tr trong việc trả nợ cho ngân hàng.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, buộc bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T phải liên đới trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 1.725.194.902đ (Một tỉ bảy trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi tư ngàn chín trăm linh hai đồng), bao gồm: Nợ gốc 1.300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 269.333.835, lãi quá hạn là 107.679.178đ và phí chậm trả lãi là 48.181.889đ, đồng thời buộc ông T và bà Tr phải chịu lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 12/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền bà Tr và ông T đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất số AN 689120 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/10/2008 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr, diện tích đất là 15.129m2 và Quyền sử dụng đất số CC 289119 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 02/8/2017 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr, diện tích 6.326,1m2. Như vậy khoản vay của bà Tr và ông T tại ngân hàng có tài sản bảo đảm. Vì vậy, ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho ông T và bà T khi ông T và bà Tr trả xong nợ. Nếu ông T và bà Tr không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông T và bà Tr để thu hồi nợ.

[6]. Về chi phí tố tụng: Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt để làm việc, nguyên đơn có yêu cầu tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn, nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định. Chi phí chi phí giám định là 5.450.000đ và nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định.

[7]. Về án phí: Bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là: 36.000.000đ + 3% x (1.725.194.902đ - 800.000.000đ) = 63.755.847đ

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Buộc bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam tổng số tiền 1.725.194.902đ (Một tỉ bảy trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi tư ngàn chín trăm linh hai đồng), bao gồm: Nợ gốc là 1.300.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 269.333.835, lãi quá hạn là 107.679.178đ và phí chậm trả lãi là 48.181.889đ,

Bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T tiếp tục phải chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số tiền nợ chưa thanh toán, kể từ ngày 12/11/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Sau khi bà Tr và ông T trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam có nghĩa vụ trả lại bà Tr và ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 689120 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/10/2008 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr và Quyền sử dụng đất số CC 289119 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 02/8/2017 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr

Trường hợp bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AN 689120 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/10/2008 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr và Quyền sử dụng đất số CC 289119 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 02/8/2017 mang tên Hộ ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Tr, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T phải chịu 5.450.000đ (Năm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) chi phí giám định.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam 5.450.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định, sau khi thu được của bà Đặng thị Tr và ông Nguyễn Tấn T.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị Tr và ông Nguyễn Tấn T phải liên đới nộp 63.755.847đ (Sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 29.662176đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009234 ngày 02/7/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN